TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2020/QĐST- DS	*Cao Phong, ngày 07 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân Lâm – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt – chi nhánh Hòa Bình (theo Giấy ủy quyền số 6650/2017/QĐ – TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt)

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Đức Vinh – Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt – chi nhánh Hòa Bình (*Theo Giấy ủy quyền ngày 21/5/2020 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hòa Bình)*

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph - Sinh năm 1967.

Bà Cao Thị X - Sinh năm 1975.

Cùng cư trú tại: Khu 4, TT C, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Văn Ph đồng ý trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt – chi nhánh Hòa Bình tổng số là **212.901.562** (*hai trăm mười hai triệu chín trăm linh một nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*). Trong đó:

Tiền gốc: 136.175.323 đ (*một trăm ba mươi sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi ba đồng)*

Tiền lãi trong hạn: 35.335.359 đồng (*ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi chín đồng)*

Tiền lãi quá hạn: 12.193.023 đồng (*mươi hai triệu một trăm chín mươi ba nghìn không trăm hai mươi ba đồng)*

Tiền phạt gốc: 29.197.857 đồng (*hai mươi chín triệu một trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng)*.

Ông Nguyễn Văn Ph còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Hòa Bình tiền lãi phát sinh từ sau ngày 29/6/2020 cho đến khi ông Phúc thanh toán hết nợ gốc.

Bà Cao Thị X không phải trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 721/2016/HĐTD – LPB.HB ngày 25/4/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Hòa Bình với ông Nguyễn Văn Ph và bà Cao Thị X.

3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận để ông Nguyễn Văn Ph chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định chung là 5.300.000 đ (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt 4.750.000đ (*bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo biên lai thu tiền số 0000999 ngày 22/5/2020.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).